

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ RIỀNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **06/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 08/4/2019

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Ninh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Khuyển

Bà Trần Thị Thanh Miên

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Hoàng Long – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Bùi Quang Thế - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 43/2019/TLST - HNGĐ ngày 05/01/2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 07/03/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2019/QĐST-HNGĐ ngày 22/3/2019.

*** Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Yến N, sinh năm 1992 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã P, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

*** Bị đơn:** Ông Trương Tấn T, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và bản tự khai bà Nguyễn Thị Yến N trình bày:**

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị Yến N và ông Trương Tấn T tự do tìm hiểu, tự nguyện yêu thương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bù Nho, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước vào ngày 15/3/2016. Trong thời gian chung sống vợ chồng thường hay xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do ông T không lo tu chí làm ăn, không quan tâm đến gia đình mặc dù bà N đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông T vẫn không thay đổi dẫn đến đời sống vợ chồng ngày càng không hòa hợp và đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2017 cho đến nay. Vì vậy, nay bà N làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu được ly hôn với ông T.

- *Về con chung*: Bà N và ông T có với nhau một con chung là cháu Trương Yến V, sinh ngày 27/4/2016. Khi ly hôn, bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Khi ly hôn, bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Khi ly hôn, bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với ông Trương Tấn T trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trương Tấn T có hộ khẩu thường trú tại Thôn T, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước, nhưng ông T không thường xuyên có mặt tại địa phương nên Tòa án không thể tổng đạt trực tiếp các giấy tờ cho ông T nên Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật đối với ông T.

*** Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa:**

- *Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật.

- *Về nội dung vụ án*: Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Yến N được ly hôn với bị đơn ông Trương Tấn T.

Các vấn đề khác các đương sự không yêu cầu nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về tố tụng:**

[1] *Về thẩm quyền giải quyết*: Đây là vụ án ly hôn do nguyên đơn bà Nguyễn Thị Yến N làm đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn ông Trương Tấn T theo quy định tại Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, do bị đơn ông Trương Tấn T có nơi cư trú tại Thôn T, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng.

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự*: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Yến N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn ông Trương Tấn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và niêm yết các tài liệu theo quy định nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà N và ông T theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

*** Về nội dung:**

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị Yến N và ông Trương Tấn T tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước vào ngày 15/3/2016. Việc kết hôn là đúng quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Căn cứ vào biên bản xác minh ngày 06/03/2019 của Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước tại Thôn T, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước thể hiện: Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng bà N, ông T hay cãi vã lẫn nhau và bà N đã bỏ đi từ đầu năm 2017 cho đến nay. Theo nội dung Biên bản xác minh ngày 06/03/2019 phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Yến N.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã Nêu lần triệu tập ông Trương Tấn T để giải quyết vụ án nhưng ông Trương Tấn T đều vắng mặt không có lý do. Qua xác minh tại Công an xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước thì ông Trương Tấn T có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại Thôn T, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước nhưng hiện nay ông Trương Tấn T vắng mặt tại địa phương, đi đâu và làm gì thì ông Trương Tấn T không khai báo nên chính quyền địa phương không biết. Tòa án không thể tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho ông Trương Tấn T nên đã tiến hành niêm yết các thủ tục tố tụng và triệu tập ông Trương Tấn T đến Tòa án giải quyết vụ án ly hôn với bà Nguyễn Thị Yến N nhưng ông Trương Tấn T đều vắng mặt không có lý do

Xét thấy, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng làm cho tình trạng hôn nhân trầm trọng, tình cảm vợ chồng của bà N với ông T không còn, đời sống chung vợ chồng không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Yến N đối với bị đơn ông Trương Tấn T.

[2] *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung*: Khi ly hôn các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] *Về tài sản chung và nợ chung*: Khi ly hôn các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội Đồng xét xử chấp nhận.

[5] *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Bà N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Yến N.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị Yến N được ly hôn với ông Trương Tấn T

2/ Về việc nuôi con và các vấn đề khác các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3/ Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Yến N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) bà Nguyễn Thị Yến N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 026848 ngày 05/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND H. Phú Riềng;
- TAND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS H. Phú Riềng;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Quang Ninh